

**CÔNG TY CỔ PHẦN GBER VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GBER VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GBER VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GBER VIET NAM .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107904664

**3. Ngày thành lập:** 03/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973649810

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động vui chơi giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);<br>- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che v.v. | 9329        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649        |
| 3.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                | 5610        |
| 4.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                   | 5621        |
| 5.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5629        |
| 6.  | Hoạt động thể thao khác                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9319        |
| 7.  | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở thể thao;                                                                                                                                                                                                                 | 9311        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                            | 8299        |
| 9.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7911        |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6201        |
| 11. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                              | 6311        |
| 12. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310        |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                    | 7920        |
| 14. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5510        |
| 15. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5590        |
| 16. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5630        |
| 17. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                             | 6202        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                 | 6209        |
| 19. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                        | 7320        |
| 20. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7912        |
| 21. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**



